



THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN THÔNG QUA DẠY HỌC DỰ ÁN

ThS. NGUYỄN ĐĂNG NGUYỆT HƯƠNG

ThS. VŨ PHƯƠNG LAN

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, rất nhiều sinh viên (SV) Châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng do đặc điểm tính cách khá khép kín nên dẫn đến phong cách học chưa có tính chủ động và độc lập. Cách học của SV còn khá dập khuôn và máy móc. Điều này là một nhược điểm lớn đối với việc học ngoại ngữ, đặc biệt khi đào tạo tín chỉ được áp dụng rộng rãi trong các trường đại học. Trong đào tạo tín chỉ, thời lượng lên lớp của SV sẽ giảm bớt so với đào tạo niên chế, giờ tự học được tăng lên đáng kể. Với việc áp dụng thời lượng lớn giờ tự học, nếu không có sự hướng dẫn cụ thể, sát sao của giáo viên, SV thường bị mất định hướng trong việc làm thế nào để tận dụng giờ tự học đúng mục đích và mang lại hiệu quả tốt nhất.

2. Dạy học dự án và phương pháp tiếp cận dạy học dự án

2.1. Dạy học dự án

Tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, SV đa phần là khối C, trình độ tiếng Anh đầu vào chưa cao, do vậy đối tượng này cũng gặp khá nhiều khó khăn khi thời lượng học trên lớp giảm và thay vào đó là giờ tự học của SV. Dạy học dự án tuy không phải là một phương pháp dạy học mới nhưng ít được lựa chọn bởi theo giảng viên phương pháp này không sử dụng được đối với SV trình độ thấp. Phần lớn giảng viên cho rằng, dạy học dự án là một quá trình phức tạp, đòi hỏi SV phải có trình độ cao mới đáp ứng được. Tuy nhiên, theo Fragoulis (2009), việc dạy học thông qua dự án hoàn toàn có thể áp dụng được trên SV các trình độ khác nhau. Cũng theo tác giả này, đối với SV trình độ thấp, sự tiến bộ trong học tập thông qua quá trình học dự án rõ rệt hơn đối với SV trình độ cao. Do vậy, việc thực hiện dự học dự án đối với SV không chuyên vẫn có thể mang lại những lợi ích nhất định [1].

2.2. Phương pháp tiếp cận dạy học dự án

Có rất nhiều định nghĩa về phương pháp dạy học dự án, chúng tôi đã sử dụng định nghĩa của Beckett (2002). Định nghĩa này đưa ra được dạng của dự án, thời gian làm dự án và quá trình đặc trưng của dự án. "Dự án được định nghĩa như một hoạt động trong thời gian dài (vài tuần) bao gồm các nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm ví dụ như phát triển kế hoạch nghiên cứu hay thực hiện kế hoạch qua việc nghiên cứu tài liệu

hoặc thực tế. Việc này bao gồm thu thập, phân tích và báo cáo dữ liệu bằng dạng viết hoặc nói" [2].

Phương pháp này có khá nhiều mặt mạnh. Mặt mạnh rõ nhất là tăng cường tính chủ động, sự tự tin và độc lập cho SV vì họ được trực tiếp tham gia vào quá trình làm từ đầu đến cuối, từ khâu lên kế hoạch, quyết định, thực hiện đến nghiệm thu dự án. Ngoài ra, SV cũng được phát triển tư duy phê phán, kĩ năng xử lí tình huống và tăng cường kĩ năng ngôn ngữ trong ngữ cảnh thực tế. Thông qua quá trình làm việc, SV cũng tăng thêm động lực và niềm hứng thú trong học tập. Tính đoàn kết và sự hợp tác trong nhóm cũng là một trong những điều mà họ có thể có được sau quá trình thực hiện dự án.

Quá trình thực hiện dự án bao gồm các bước: 1. Quyết định đề tài; 2. Thiết kế và tiến hành hoạt động nhóm; 3. Đánh giá quá trình.

3. Quá trình nghiên cứu việc thúc đẩy hoạt động tự học của SV thông qua dạy học dự án

Đối tượng tham gia nghiên cứu là những SV thuộc chuyên ngành Đông Nam Á thuộc Khoa Đông Phương học. Các SV này được học song song hai ngoại ngữ là tiếng Anh và tiếng Thái Lan. Phần lớn SV sau khi ra trường sẽ làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu văn hoá, du lịch về các nước Đông Nam Á. Do vậy, chúng tôi đã lựa chọn dạy học dự án dưới hình thức một dự án thiết kế tờ rơi, sách hướng dẫn du lịch về một địa điểm du lịch thuộc các nước Đông Nam Á.

Nghiên cứu này được thực hiện với các mục đích: Nhận định các ưu và khuyết điểm trong việc sử dụng hình thức thiết kế sách hướng dẫn du lịch để thúc đẩy hoạt động tự học của SV; Đưa ra các gợi ý về cách thực hiện có hiệu quả các hoạt động tự học cho SV chuyên ngành Đông Nam Á cũng như SV Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Nghiên cứu tập trung vào việc khảo sát tác dụng của việc sử dụng hình thức thiết kế sách hướng dẫn du lịch để thúc đẩy hoạt động tự học của SV, những thuận lợi và khó khăn khi áp dụng phương pháp này với đối tượng người học là SV năm thứ 4 chuyên ngành Đông Nam Á tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Các phương pháp được thực hiện trong quá trình

nghiên cứu: Thu thập dữ liệu, phân tích và so sánh dữ liệu, tổng hợp dữ liệu.

Trong nghiên cứu này, một nhóm gồm 12 SV chuyên ngành Đông Nam Á được lựa chọn để tham gia vào dự án thiết kế sách hướng dẫn du lịch. SV được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ tự chọn một địa điểm du lịch phù hợp với chuyên ngành để thiết kế một cuốn sách bỏ túi cung cấp các thông tin hữu ích khi đi du lịch tại địa điểm đó. Dự án sẽ được thực hiện trong 8 tuần. SV cần lập kế hoạch và phân chia công việc cụ thể, ví dụ như chọn đề tài (địa điểm du lịch), lập dàn ý về những điểm chính sẽ đề cập trong cuốn sách như đặc điểm địa lí của địa điểm đó (thời tiết, địa hình, dân số), những điểm tham quan nổi tiếng, món ăn nổi tiếng, nơi mua sắm, các thông tin hữu ích như phương tiện đi lại, nơi ở, tiền tệ..., các lưu ý về văn hoá (nên và không nên)... Sau khi lập dàn ý chi tiết cho cuốn sách, SV sẽ tiến hành thu thập tài liệu. Vì sách được yêu cầu thiết kế song ngữ nhằm rèn luyện kĩ năng dịch cho SV, do vậy, sau khi tìm và lọc tài liệu, SV sẽ tiến hành dịch tài liệu. Bước cuối cùng là thiết kế lên khuôn và trang trí sách. Vào tuần cuối cùng của dự án, SV sẽ phải thuyết trình về nội dung sách hướng dẫn mà mình đã làm. Bước thuyết trình giúp SV rèn luyện kĩ năng nói, đồng thời giúp các nhóm chia sẻ thông tin, chia sẻ kinh nghiệm về việc học dự án. Trong quá trình SV thực hiện dự án, giáo viên sẽ theo sát để kiểm tra và hỗ trợ. SV sẽ phải báo cáo tiến độ thực hiện dự án mỗi tuần lên lớp với giáo viên để đảm bảo dự án được thực hiện có hiệu quả.

4. Kết quả khảo sát quá trình nghiên cứu việc thúc đẩy hoạt động tự học của SV thông qua dạy học dự án

Các dữ liệu thu thập được trong nghiên cứu sau đó đã được tiến hành phân tích theo các mục: Thái độ của SV với sự thay đổi hoạt động học; việc làm việc nhóm của SV; vai trò của giáo viên; thời gian tự học của SV; các kĩ năng được phát triển; đánh giá của SV về dự án; khó khăn của SV khi thực hiện dự án; góp ý của SV về việc làm dự án.

4.1. Thái độ của SV với đổi mới

SV khá hào hứng với đổi mới này nhưng cũng chưa tích cực vì hoạt động mới, cách thức đánh giá mới. Các em chưa quen trong việc bắt đầu dự án. 7/8 em đánh giá hoạt động này mang tính thúc đẩy hoạt động học.

4.2. Việc làm nhóm của SV

Việc làm nhóm là hoạt động khá quen thuộc đối với SV, tuy nhiên, đa phần SV chỉ làm nhóm trong một khoảng thời gian ngắn trên lớp. Việc làm nhóm trong suốt quá trình một kì học của SV lần này cũng giúp SV học được nhiều kĩ năng mới. SV học được những cách làm việc nhóm hiệu quả như việc bầu ra trưởng

nhóm, phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm, lên lịch trình công việc cụ thể của từng tuần và trưởng nhóm sẽ giám sát, đôn đốc công việc. Việc phân chia công việc cũng dựa trên thể mạnh của từng thành viên: Thành viên có kĩ năng nói tốt sẽ phụ trách phần thuyết trình, thành viên có khả năng sử dụng phần mềm máy tính tốt sẽ phụ trách phần thiết kế và trang trí cho sách hướng dẫn...

4.3. Vai trò của giảng viên

Giảng viên đóng vai trò là người tạo điều kiện: Đưa ra thông tin về dự án, về việc thiết kế tờ rơi, sách hướng dẫn du lịch về một địa điểm thu hút khách du lịch trong các nước Đông Nam Á. Trong suốt quá trình thực hiện, giảng viên theo dõi tiến độ, đưa nhận xét và lời khuyên cho dự án của SV.

4.4. Thời gian tự học của SV

SV đều nhận xét tận dụng được thời gian tự học trong tuần để thảo luận, làm việc nhóm chuẩn bị cho kết quả dự án. Hầu hết SV đều tổng kết dùng hơn 3h tự học mỗi tuần một cách hiệu quả. Thêm vào đó, việc học dự án sẽ được thực hiện trong cả quá trình với sản phẩm dần dần được hoàn thiện, đây cũng là động lực khiến SV tích cực hơn trong việc tự học khi nhìn thấy thành quả của mình theo thời gian.

4.5. Các kĩ năng được rèn luyện

Chúng ta có thể thấy rằng, SV được rèn luyện rất nhiều về các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết của thực hành tiếng; cũng như các kĩ năng tìm kiếm thông tin, dịch tài liệu, sử dụng công nghệ thông tin, thuyết trình giới thiệu sản phẩm. Trong các kĩ năng đó, kĩ năng đọc hiểu, dịch tài liệu và sử dụng máy tính được SV đánh giá là kĩ năng được củng cố nhiều nhất. Tiếp đó là tìm kiếm thông tin, nói và thuyết trình. Kĩ năng làm việc nhóm và giải quyết tình huống cũng là những kĩ năng mềm mà các em học được. Tuy nhiên, kĩ năng viết, dù được mong đợi sẽ được củng cố thêm lại không được nhận xét là có sự tiến bộ do phần lớn SV sử dụng những thông tin có sẵn trên mạng để phục vụ cho nội dung sách hướng dẫn. Kĩ năng viết có thể sẽ được rèn luyện tốt hơn nếu giáo viên yêu cầu SV phải tự viết nội dung sách hướng dẫn, không sao chép hoàn toàn trên mạng.

4.6. Đánh giá của SV về dự án

Sáu SV được hỏi thấy hài lòng với kết quả dự án. Năm SV nhận thấy được nhiều lợi ích từ việc nghiên cứu như kĩ năng và kiến thức về các lĩnh vực văn hoá, lịch sử, nghệ thuật; cũng như phát triển tính sáng tạo, làm cho các bài học trở nên thú vị hơn, tăng động lực học tập. Một em nhận xét khá hài lòng. Một em không hài lòng do kết quả không cao, theo SV này, những gì em học được cần phải được củng cố bởi giáo viên, còn những kiến thức em học được trong quá trình làm dự án không đáng tin cậy. Điều này cho thấy, SV vẫn còn



khá nặng nề về vai trò của giảng viên trong lớp học.

4.7. Khó khăn của SV trong việc làm dự án

Phần lớn SV đều thấy khó khăn do lượng công việc nhiều và chưa thành thạo với việc làm dự án nên chưa biết phân bố thời gian hợp lí. Những khó khăn trong việc thiết kế tờ rơi và độ phức tạp của sách hướng dẫn du lịch về một địa điểm thu hút khách du lịch trong các nước Đông Nam Á cũng là trở ngại lớn của SV đối với việc làm dự án.

4.8. Gợi ý của SV về việc làm dự án

Hầu hết SV đều quan tâm đến việc chọn đề tài và tài liệu làm dự án. Các em cũng đề nghị giảng viên giúp đỡ thêm trong việc lựa chọn những tài liệu phù hợp và đa dạng hơn. Nội dung trong tài liệu cũng nên được giảng viên kết hợp giảng dạy trên lớp. Giảng viên cũng nên có các hình thức khích lệ, động viên các em như trao giải thưởng cho nhóm làm tốt nhất để các em thêm tích cực làm dự án. SV cũng đưa ra gợi ý về các hình thức làm dự án khác như làm phim về văn hoá, lịch sử, nghệ thuật hay đóng kịch, hoặc tổ chức các sự kiện văn hoá như lễ tết, tạo website quảng bá du lịch.

5. Kết luận

Việc dạy học dự án được áp dụng đối với SV không chuyên ngữ ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã thu được nhiều kết quả tốt. Phương pháp này có tính tích cực khá cao: SV đều nhận thức được lợi ích của phương pháp và công nhận sự tiến bộ về nhiều mặt khác nhau như các kĩ năng tiếng, kĩ năng dịch, tìm kiếm thông tin... Ngoài ra, các em còn được tăng thêm kiến thức về nhiều lĩnh vực khác nhau cũng như các kĩ năng mềm. Hơn nữa, dù SV lần đầu làm quen với phương pháp này, các em cũng đã bắt kịp tiến độ và cách thực hiện dự án học tập. Các em đã quen làm việc nhóm, tìm thông tin cho các bài tập lớn và thuyết trình giới thiệu sản phẩm của mình. Bản chất của việc làm dự án là quá trình phức tạp, yêu cầu SV tham gia chuẩn bị và tiến hành cẩn thận. Nhưng vì đây là phương pháp mới nên bài tập được lựa chọn cũng khá dễ dàng. Phương pháp này tập trung vào việc tăng tính tự học của SV, tuy khả năng quan sát không cao, điều đó cũng không ảnh hưởng nhiều đến thành công của phương pháp đổi mới này.

Tuy nhiên, phương pháp dạy học dự án vẫn còn những hạn chế. Thời lượng làm dự án thực tế còn ít nên chưa đánh giá được hết các lĩnh vực hoạt động của SV. Ngoài ra, trình độ SV thực tế chưa đạt được mức độ trung cấp nên so với một số SV thì dự án khá khó. Đạo văn cũng là một vấn đề giảng viên cần quan tâm, do SV vẫn quen với việc sao chép tài liệu trên mạng mà không trích dẫn. Một vấn đề khác là quản lí

thời gian. Mục tiêu của phương pháp này là tăng thời gian tự học nhằm giảm tải cho giảng viên và tăng tính độc lập của SV. Tuy nhiên, để theo sát và kiểm soát được tiến độ dự án, giảng viên phải dành khá nhiều thời gian hướng dẫn, nhận xét bài của SV. Đây là lần đầu tiên việc dạy học dự án được áp dụng, SV cần có thêm các kĩ năng nhằm khắc phục được những khó khăn trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Fragoulis I., (2009), *Project-based learning in the teaching of English as a foreign language in Greek primary schools*, Canadian Center of Science and Education, 3(2), 113-119, Retrieved February 20, 2010 from.
<http://www.ccsenet.org/journal/index.php/elt/article/viewFile/2739/3286>

[2]. Beckett, G., (2002), *Teacher and student evaluations of project-based instruction*, TESL Canada Journal, 19(2), 52-66, Retried March 10, 2010 from <http://journals.sfu.ca/tesl/index.php/tesl/article/viewFile/929/748>

[3]. Beckett, G. & Slater, T., (2005), *The project framework: a tool for language, content, and skills integration*, ELT Journal, 59(2), 108-116, Retried May 10, 2010 from.
<http://0-eltj.oxfordjournals.org.library.vu.edu.au/cgi/reprint/59/2/108>

[4]. Brown, H., (2000), *Culture in the Classroom*, In *Principles of Language Learning and Teaching*, (pp.189-192), White Plains N.Y.: Longman.

[5]. Ellis, G. (1994), *Contributions of cross-cultural research in the transfer of Western teaching styles to Vietnam*, EA Journal 12(2), 62-76.

SUMMARY

Research showed that learning styles of Asian students in general and Vietnamese students in particular are not active and independent due to closed personality. With large amount of self-study time, without specific teachers' instruction, students often get lost to take advantage of time and study effectiveness. The paper addressed the issue of promoting students' self-learning through project-based teaching. Main contents were: 1 /project-based learning and its approach; 2 /Research on promoting students' self-learning through project-based teaching; 3 /Research findings of students' self-study activities through project-based teaching.

Keywords: *self-study, project-based teaching, students.*